

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
4	TP Phú Mỹ - Rẽ Bắc Châu Đức - Khu công nghiệp Phú Mỹ 3	4 x 8	Xây mới
5	Phú Giáo - Rẽ Uyên Hung - Bình Dương 1	4 x 4	Xây mới
6	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi 2 - Củ Chi	4 x 2	Xây mới
7	Củ Chi 3 - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Củ Chi	2 x 5	Xây mới
8	Tây Ninh 3 - Rẽ Tây Ninh 2 - Thanh cái Tây Ninh 1	4 x 3	Xây mới
9	TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Tây Ninh - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4 x 2	Xây mới
10	Bình Long 2 - Rẽ Bình Long - Chơn Thành	4 x 4	Xây mới, đồng bộ trạm biến áp 220 kV Bình Long 2
11	Bến Cầu - Rẽ Thanh cái Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4 x 4	Xây mới
12	Đức Hòa 4 - TC 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa	2 x 7	Xây mới
13	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Bến Lức	2 x 20	Xây mới
14	Bình Chánh 2 - Rẽ Phú Lâm - Thanh cái Đức Hòa	4 x 2	Xây mới
15	Dầu Giây - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Nai 2	2 x 20	Xây mới
16	Biên Hòa - Rẽ Long Bình - Thanh cái Tân Uyên	4 x 2	Xây mới
17	Hồng Ngự - Châu Đốc	2 x 34	Xây mới
18	Hồng Ngự - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 24	Xây mới

TT	Tên công trình	Số mạch x km	Ghi chú
19	Thanh Bình - TC 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 7	Xây mới
20	Chợ Mới - Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Đồng Tháp	2 x 12	Xây mới
21	Chợ Mới - Châu Thành	2 x 15	Xây mới
22	Vĩnh Thuận - Rẽ Rạch Giá - Nhiệt điện Cà Mau	2 x 2	Xây mới
23	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long 2 - Sa Đéc	4 x 15	Xây mới
24	Thanh cái 220 kV trạm biến áp 500 kV Tiền Giang - Rẽ Cao Lãnh - Cái Bè	4 x 4	Xây mới
25	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4 x 2	Xây mới
26	Ba Tri - Bến Tre	2 x 18	Xây mới
27	Tân An - Rẽ Mỹ Tho - Cần Đước	4 x 5	Xây mới
28	Đầu nối Nhiệt điện Long An 2	62	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
29	Đồng Xoài - Chơn Thành	2 x 39	Xây mới
30	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4 x 2	Xây mới
31	Đầu nối Trung tâm Điện lực Tân Phước	120	Xây mới, cần nghiên cứu thêm
32	Cà Mau 2 - NĐ Cà Mau	2 x 6	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
33	Chơn Thành - Bình Long	2 x 30	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1
34	Tân Định - Bình Hòa - Vsip - Hóc Môn	2 x 22	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo N-1

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC VIỄN THÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 631 /CVT-HTKN
V/v Đường ống Lô B - Ô Môn giao cắt cấp
viễn thông

Hà Nội, ngày 3 tháng 06 năm 2012

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
BPOC
CÔNG VĂN ĐIỂN
Số: 712, ngày 14 tháng 6 năm 2012

Kính gửi: Công ty điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn (BPOC).

Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được công văn số 216/BPOC-KT ngày 03/04/2012 của Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn (BPOC) về việc đường ống Lô B - Ô Môn giao cắt cấp viễn thông.

Sau khi nghiên cứu, xem xét, Cục Viễn thông trả lời Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn như sau:

- Không có doanh nghiệp Viễn thông nào là chủ sở hữu của tuyến cáp viễn thông ngầm Sattahip kết nối giữa Vũng Tàu - Việt Nam với Sattahip miền nam Bangkok như nêu tại văn bản số 216/BPOC-KT ngày 03/4/2012 của Công ty điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn.

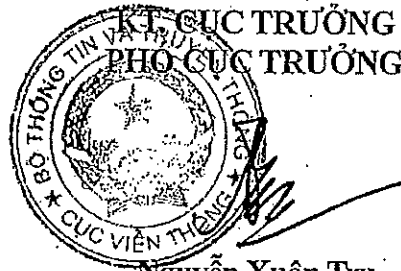
- Hiện nay, các doanh nghiệp Viễn thông không có tuyến cáp viễn thông nào giao cắt với đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.

Vậy Cục Viễn thông thông báo cho Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn được biết.

Trân trọng./ T8

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Nam Thắng (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Tập đoàn BCVT Việt Nam;
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội;
- Công ty Cổ phần FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ BCVT Sài Gòn;
- Lưu: VT, HTKN.



Nguyễn Xuân Trụ

TO: TK (P. L. / P. S. S.)
+ PS

Đã làm việc với VP/PKR
chưa lại làm sau 9 c.
cấp nào cắt ống LB - Ô Môn?
19/6/2012

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 908/SNNPTNT - CCTL

Kiên Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2016

V/v cung cấp thông tin quy hoạch
các kênh/sông giao cắt với tuyến
đường ống bờ - Dự án Đường ống
dẫn khí Lô B - Ô Môn

Kính gửi: Công ty Điều hành đường ống Tây Nam.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 180/SWPOC-KT ngày 27/9/2016 của Công ty Điều hành đường ống Tây Nam về việc cung cấp thông tin quy hoạch các kênh/sông giao cắt với tuyến ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.

Sau khi nghiên cứu và rà soát, đối chiếu các thông tin liên quan trong dự án Sở Nông nghiệp và PTNT bổ sung cao trình dự kiến quy hoạch đáy kênh của các kênh có đường ống đi qua (có Phụ lục kèm theo).

Trên đây là ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kiên Giang về các kênh, rạch, sông trên tuyến đường ống dẫn khí đi qua để Công ty Điều hành đường ống Tây Nam tham khảo./. Khanh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, vvhinh.



Quảng Trọng Thảo

PHỤ LỤC: THỐNG KÊ CAO ĐỘ QUY HOẠCH ĐÁY KÊNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG
(Đính kèm Công văn số 908/UBND-CTLT ngày 07 tháng 01 năm 2016)

Các kênh, sông giao cắt với tuyến ống							
STT	Tên kênh, sông		Vị trí	Chiều rộng (m)	Cao trình thực tế (m)	Cao độ quy hoạch (m)	Ghi chú
	Tên theo Khảo sát	Tên theo Địa phương					
1	Rạch Quốc Phòng		KP0+450	16,9	-1,2	-2,8	
2	Rạch Xẻo Quao		KP0+520	48,0	-1,5	-2,7	
3	Rạch Công Cộng		KP1+400	24,5	-0,8	-2	
4	Rạch Thứ 10		KP1+700	37,0	-1,6	-3	
5	Rạch Xáng Xúc		KP3+400	22,4	-1,6	-2,5	
6	Rạch Thứ 9		KP4+200	32,0	-2,3	-3	
7	Kênh Ba Mươi		KP5+400	23,3	-1,6	-2,7	
8	Rạch Chổng Mỹ		KP6+000	49,3	-1,4	-3	
9	Rạch Thứ 8		KP6+900	51,0	-1,1	-3	
10	Rạch Bảy Xáng		KP8+600	30,0	-2,9	-3,5	
11	Rạch		KP9+300	28,0	-0,9	-3,5	
12	Rạch Ống Kiệt		KP10+300	28,0	-1,8	2,7	
13	Rạch		KP10+600	17,8	-1,9	-2,8	
14	Rạch Thứ 7		KP11+500	67,0	-1,3	-3	
15	Kênh Bảy Sum		KP12+700	30,0	-1,4	-2,5	
16	Rạch		KP13+200	22,0	-1,3	-2,5	
17	Kênh Dân Quân		KP13+900	25,0	-1,4	-2,7	
18	Rạch		KP15+300	35,0	-1,4	-3	
19	Rạch Thứ 6		KP15+700	31,0	-1,2	-2,7	
20	Sông Xẻo Rô		KP16+100	62,0	-4,0	-5,6	
21	Rạch Nhị Tỷ		KP17+700	19,0	-1,4	-2,2	
22	Rạch Thứ 5		KP18+650	22,0	-1,7	-2,5	
23	Kênh Xẻo Bướm		KP19+500	25,5	-1,5	-3	
24	Rạch Bào Làng		KP19+800	15,0	-1,3	-2,3	
25	Rạch Thứ tư		KP20+500	23,0	-1,3	-3	
26	Kênh Xẻo Kè		KP21+100	30,0	-1,3	-2,7	
27	Rạch		KP21+700	15,0	-1,3	-2,5	
28	Kênh Cây Xoài		KP22+400	26,0	-1,6	-2,7	
29	Rạch		KP23+200	15,0	-1,4	-2,5	
30	Rạch Thứ 2		KP24+000	24,6	-1,4	-2,7	
31	Kênh Cái Nước		KP26+000	24,0	-2,0	-2,5	
32	Rạch		KP27+000	15,0	-2,2	-2,5	
33	KÊNH 36/6		KP27+200	145,0	-2,6	-3,5	
34	Kênh Mới		KP28+400	26,0	-2,4	-3	
35	Rạch		KP28+900	21,0	-2,1	-2,5	
36	Rạch 1000		KP29+900	18,0	-1,3	-2,3	
37	Kênh Hậu 500		KP30+000	17,0	-1,6	-2,3	
38	Sông Cái Lớn		KP30+500	636,0	-8,0	-10	





39	Rạch Hâu Dầu	KP31+200	30,0	-1,5	-2,7
40	Rạch	KP32+900	26,0	-2,6	-3
41	Sông Cái Bé	KP35+900	100,0	-7,3	-8,5
42	Kênh Ta Bồn	KP37+800	18,0	-1,3	-2,3
43	Rạch Khoen A Xây	KP38+500	20,0	-1,6	-2,7
44	Rạch Đường Trâu	KP38+900	21,0	-2,4	-3
45	Rạch	KP29+100	22,0	-2,3	-2,7
46	Kênh Giồng Đá	KP44+300	936,0	-3,0	-4
47	Rạch Láng Sơn	KP26+500	26,0	-2,5	-3
48	Sông Giồng Riêng	KP48+800	74,0	-2,6	-3,5
49	Kênh Thầy Giáo	KP49+900	30,0	-3,1	-2,5
50	Rạch Nhỏ	KP50+600	28,0	-1,0	-2,5
51	Rạch	KP51+800	27,0	-1,2	-2,8
52	Rạch Ông Hai	KP52+200	37,0	-1,9	-2,7
53	Rạch	KP52+500	25,0	-2,3	-3
54	Rạch	KP52+700	26,0	-1,7	-3
55	Rạch	KP53+700	25,0	-2,5	-3,2
56	Kênh Thanh Bình	KP54+00	46,0	-2,3	-3,5
57	Kênh Hội Đồng	KP54+300	66,0	-1,9	-3
58	Kênh Ba Lan	KP55+600	41,0	-1,6	-2,7
59	Rạch Nhỏ	KP56+100	23,8	-1,0	-2,5
60	Kênh Thốt Nốt	KP57+700	77,0	-5,0	-6,5
61	Kênh Mới	KP60+900	14,4	-1,2	-2,3
62	Kênh KH5	KP63+100	37,9	-1,7	-2,5
63	Kênh Đường Lâu	KP65+950	23,0	-1,3	-2,5
64	Kênh Đòn Đông	KP67+150	16,0	-1,4	-2,5
65	Kênh Hậu	KP67+750	14,4	-1,2	-2,3
66	Kênh Chùa	KP68+300	17,0	-1,0	-2,2





UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5125/VP-KTCN

Kiên Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2016

V/v cung cấp thông tin quy hoạch các kênh/sông giao cắt với tuyến đường ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Giao thông vận tải.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 180/SWPOC-KT ngày 27/9/2016 của Công ty Điều hành đường ống Tây Nam về việc cung cấp thông tin quy hoạch các kênh/sông giao cắt với tuyến đường ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn (đính kèm văn bản đến).

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Mai Văn Huỳnh có ý kiến chỉ đạo: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Giao thông vận tải làm việc và cung cấp thông tin theo đề nghị của Công ty SWPOC.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đến quý cơ quan biết, tổ chức thực hiện./ *Wluoc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cty SWPOC;
- LĐVP, P. KTCN, P.KTTH;
- Lưu: VT, cvquoc.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Công Danh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY ĐIỀU HÀNH
ĐƯỜNG ỚNG TÂY NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180 /SWPOC-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2016

V/v cung cấp thông tin quy hoạch
các kênh/sông giao cắt với tuyến
ống bờ - Dự án Đường ống dẫn
khí Lô B - Ô Môn

VP. KT. TG. KH. VG
4872.....
28/9/2016.....
Chức vụ: <i>Thư ký</i>
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: - UBND tỉnh Kiên Giang ✓
- Sở NN & PT Nông thôn tỉnh Kiên Giang
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Kiên Giang

Trước hết, Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam (SWPOC) xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của các Quý cơ quan trong quá trình triển khai dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn (Dự án) và đã hỗ trợ Liên danh nhà thầu PVE SC & LPK thực hiện gói thầu Khảo sát bờ phục vụ Thiết kế kỹ thuật Tổng thể trong thời gian vừa qua.

Hiện nay, nhà thầu PVE SC & LPK đã hoàn thành công tác khảo sát cao độ thực tế của đáy kênh/sông giao cắt với tuyến ống đi qua các huyện An Minh, An Biên, Châu Thành và Rừng Giồng thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang như bản Phụ lục 1 (đính kèm). Tuy nhiên, chúng tôi dự định sẽ sử dụng cao độ quy hoạch đáy kênh/sông để phục vụ thiết kế kỹ thuật tổng thể cho dự án để không làm ảnh hưởng đến quy hoạch hệ thống giao thông thủy trên địa bàn Kiên Giang nơi tuyến ống đi qua.

Vì vậy, Công ty SWPOC kính đề nghị các Quý cơ quan giúp đỡ và có ý kiến chỉ đạo các đơn vị liên quan để phối hợp làm việc và cung cấp các số liệu thông tin quy hoạch hoặc dự kiến quy hoạch của các kênh/sông giao cắt với tuyến ống trên địa bàn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Chúng tôi và Liên danh nhà thầu PVE SC & LPK hoàn thành công việc đảm bảo tiến độ dự án.

Công ty SWPOC trân trọng và cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Liên danh PVE-SC&LPK (để thực hiện);
- Lưu VT, KT.

Đính kèm:

- Phụ lục 1 - Bảng thống kê sông kênh giao cắt với tuyến ống bờ.
- Phụ lục 2 - Sơ đồ tuyến ống bờ phương án tiếp bờ tại An Minh.

Chauh

**TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Hải

1
/

01
0

1
/

1
/

PHỤ LỤC 1 -
BẢNG THÔNG KÊ SÔNG/KÊNH GIAO CẮT VỚI TUYẾN ỚNG
(Đính kèm công văn số 180 /SWPOC-KT ngày 27 tháng 9 năm 2016)

Các kênh, sông giao cắt với tuyến ống					
STT	Tên kênh, sông		Vị trí	Chiều dài đoạn cắt (m)	Cao độ đáy kênh thực tế(m)
	Theo Khảo sát	Theo Địa phương			
1	Rạch Quốc Phòng		KP0+450	16.9	-1.2
2	Rạch Xẻo Qoao		KP0+520	48.0	-1.5
3	Rạch Công Cộg		KP1+400	24.5	-0.8
4	Rạch Thứ 10		KP1+700	37.0	-1.6
5	Rạch Xáng Xúc		KP3+400	22.4	-1.6
6	Rạch Thứ 9		KP4+200	32.0	-2.3
7	Kênh Ba Mười		KP5+400	23.3	-1.6
8	Rạch Chông Mỹ		KP6+000	49.3	-1.4
9	Rạch Thứ 8		KP6+900	51.0	-1.1
10	Rạch Bảy Xáng		KP8+600	30.0	-2.9
11	Rạch		KP9+300	28.0	-0.9
12	Rạch Ống Kiệt		KP10+300	28.0	-1.8
13	Rạch		KP10+600	17.8	-1.9
14	Rạch Thứ 7		KP11+500	67.0	-1.3
15	Kênh Bảy Sum		KP12+700	30.0	-1.4
16	Rạch		KP13+200	22.0	-1.3
17	Kênh Dân Quân		KP13+900	25.0	-1.4
18	Rạch		KP15+300	35.0	-1.4
19	Rạch Thứ 6		KP15+700	31.0	-1.2
20	Sông Xẻo Rô		KP16+100	62.0	-4.0
21	Rạch Nhị Tỷ		KP17+700	19.0	-1.4
22	Rạch Thứ 5		KP18+650	22.0	-1.7
23	Kênh Xẻo Bướm		KP19+500	25.5	-1.5
24	Rạch Bào Làng		KP19+800	15.0	-1.3
25	Rạch Thứ tư		KP20+500	23.0	-1.3
26	Kênh Xẻo Kè		KP21+100	30.0	-1.3
27	Rạch		KP21+700	15.0	-1.3
28	Kênh Cây Xoài		KP22+400	26.0	-1.6
29	Rạch		KP23+200	15.0	-1.4
30	Rạch Thứ 2		KP24+000	24.6	-1.4

CH TÁ K BT Ứ TÁ

✓

31	Kênh Cái Nước		KP26+000	24.0	-2.0
32	Rạch		KP27+000	15.0	-2.2
33	KÊNH 36/6		KP27+200	145.0	-2.6
34	Kênh Mới		KP28+400	26.0	-2.4
35	Rạch		KP28+900	21.0	-2.1
36	Rạch 1000		KP29+900	18.0	-1.3
37	Kênh Hậu 500		KP30+000	17.0	-1.6
38	Sông Cái Lớn		KP30+500	636.0	-8.0
39	Rạch Hậu Dầu		KP31+200	30.0	-1.5
40	Rạch		KP32+900	26.0	-2.6
41	Sông Cái Bé		KP35+900	100.0	-7.3
42	Kênh Ta Bồn		KP37+800	18.0	-1.3
43	Rạch Khoen A Xây		KP38+500	20.0	-1.6
44	Rạch Đường Trâu		KP38+900	21.0	-2.4
45	Rạch		KP29+100	22.0	-2.3
46	Kênh Giồng Đá		KP44+300	936.0	-3.0
47	Rạch Láng Sơn		KP26+500	26.0	-2.5
48	Sông Giồng Riêng		KP48+800	74.0	-2.6
49	Kênh Thầy Giáo		KP49+900	30.0	-3.1
50	Rạch Nhỏ		KP50+600	28.0	-1.0
51	Rạch		KP51+800	27.0	-1.2
52	Rạch Ông Hai		KP52+200	37.0	-1.9
53	Rạch		KP52+500	25.0	-2.3
54	Rạch		KP52+700	26.0	-1.7
55	Rạch		KP53+700	25.0	-2.5
56	Kênh Thanh Bình		KP54+00	46.0	-2.3
57	Kênh Hội Đồng		KP54+300	66.0	-1.9
58	Kênh Ba Lan		KP55+600	41.0	-1.6
59	Rạch Nhỏ		KP56+100	23.8	-1.0
60	Kênh Thốt Nốt		KP57+700	77.0	-5.0
61	Kênh Mới		KP60+900	14.4	-1.2
62	Kênh KH5		KP63+100	37.9	-1.7
63	Kênh Đường Lầu		KP65+950	23.0	-1.3
64	Kênh Đòn Đông		KP67+150	16.0	-1.4
65	Kênh Hậu		KP67+750	14.4	-1.2
66	Kênh Chùa		KP68+300	17.0	-1.0

158
 HÃNG
 ĐOÀN
 VIỆT
 MIỀN
 ĐÔNG
 NAM
 NH K

11

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CHI CỤC THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110 /CCTL

Cần Thơ, ngày 04 tháng 10 năm 2016

V/v cung cấp thông tin quy hoạch
các kênh/ sông giao cắt với tuyến
ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí
Lô B – Ô Môn.

Kính gửi: Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam (SWPOC).

Thực hiện nội dung Công văn số 179/SWPOC-KT ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam (SWPOC) về việc cung cấp thông tin quy hoạch các kênh/ sông giao cắt với tuyến ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn.

Chi cục Thủy lợi có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với vị trí, danh mục các tuyến kênh/ sông giao cắt với tuyến ống dầu khí đi qua.

2. Cao độ đáy kênh/ sông giao cắt với tuyến ống dự kiến quy hoạch theo Phụ lục 1 đính kèm.

Trên đây là ý kiến của Chi cục Thủy lợi về cao độ quy hoạch các kênh/ sông giao cắt với tuyến ống bờ - Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Bùi Quang Minh

PHỤ LỤC 1 - BẢNG THỐNG KÊ SÔNG KÊNH GIAO CẮT VỚI TUYẾN ỒNG

(Đính kèm công văn số /CCTL ngày tháng năm 2016)

STT	Tên kênh, sông		Vị trí	Chiều dài đoạn cắt (m)	Cao trình khảo sát (m)	Dự kiến quy hoạch
	Theo Khảo sát	Theo Địa phương				
1	Kênh Ranh		KP69+436	23,13	-0,85	-2,5
2	Kênh Út Liễu		KP69+837	18,59	-1,55	-2
4	Kênh Trâm Bầu		KP70+188	22,25	-1,5	-2
5	Kênh KH6	Kênh Thầy Phở	KP70+569	64,68	-2,4	-2,5
6	Kênh Cò My		KP70+761	13,79	-1,65	-2
7	Kênh Năm		KP71+763	21,65	-2,05	-2,5
8	Kênh Công Điền		KP72+268	16,29	-2,3	-2,5
9	Kênh Số 1		KP72+612	16,26	-1,53	-2
10	Kênh Ngang		KP73+760	30,02	-2,35	-2,5
11	Kênh Bảy Phầm		KP74+761	16,72	-3,15	Không có
12	Kênh 4 Thước		KP75+861	19,46	-1,25	-2
13	Kênh Chuối		KP77+075	16,12	-0,7	-2
14	Kênh Sáu Tín		KP77+829	10,44	-0,66	-2
15	Kênh Trâm		KP79+129	23	-0,6	-2
16	Rạch nhỏ		KP79+690	7,92	-0,05	-2
17	Kênh Máy nước		KP80+708	21,86	-0,48	-2
18	Kênh thủy lợi		KP81+290	12,72	-0,07	-2
1	Kênh Thị Đới		KP82+161	45,6	-3	-4
2	Kênh thủy lợi		KP82+421	7,16	-0,75	-2
3	Kênh Trâm Hai		KP82+426	10,42	-1,1	-2
4	Kênh thủy lợi		KP82+876	14,11	0,25	-2
5	Kênh thủy lợi		KP83+300	10,43	-0,34	-2
6	Kênh Đầu Ngàn (dọc tuyến)		KP83+378	26,1	-1	-2
7	Kênh Xáng Ô Môn	Kênh Bà Đầm	KP83+453	49	-2,71	-4
8	Kênh Ông Định		KP84+115	36,67	-1,3	-2
			KP84+550	21,82		-2
9	Kênh Xèo Xào	Kênh Xèo Sào	KP85+182	53,48	-1,8	-2,5
10	Kênh thủy lợi		KP85+329	6,28	-0,9	-2
11	Kênh Tắc Cà Đi		KP85+650	13,47	-1,2	-2
12	Kênh thủy lợi		KP86+200	21,35	-1,3	-2
13	Kênh thủy lợi		KP86+347	15,78	-0,7	-2
14	Kênh Đường Xuồng		KP86+835	27,8	-0,71	-2
15	Kênh thủy lợi		KP87+516	4	0,24	-2
16	Rạch Tắc Cà Đi		KP87+882	22,17	-1,4	-2
17	Kênh Năm Chiến		KP88+371	6,47	0,2	-2
18	Kênh Bà Đức		KP88+827	13,04	-0,35	-2
19	Kênh thủy lợi		KP89+289	17,68	0,22	-2
20	Kênh Vàm Nhơn	Kênh Vàm Nhơn	KP90+035	29,4	-1,45	-2,5
21	Kênh thủy lợi		KP90+121	5,06	0,16	2
22	Kênh thủy lợi (dọc tuyến)		KP90+170	44,6	-0,41	2
23	Kênh thủy lợi		KP90+239	7,26	0,1	2
24	Kênh thủy lợi		KP90+460	3,7	0,2	2
25	Rạch Dầu Bích		KP90+761	7,9	-0,22	2
26	Kênh thủy lợi		KP91+155	5,2	0,27	2
27	Rạch Tra		KP91+558	15,3	-1,41	-2,5
28	Kênh thủy lợi		KP91+914	8,02	-0,4	-2

STT	Tên kênh, sông		Vị trí	Chiều dài đoạn cắt (m)	Cao trình khảo sát (m)	Dự kiến quy hoạch
	Theo Khảo sát	Theo Địa phương				
29	Kênh thủy lợi (dọc tuyến)		KP92+011	31,72	-0,8	-2
30	Kênh thủy lợi		KP92+177	4,36	0,3	-2
31	Kênh thủy lợi		KP92+463	13,73	-0,41	-2
32	Kênh thủy lợi (dọc tuyến)		KP92+531	45,17	-0,45	-2
33	Kênh thủy lợi		KP93+004	21,07	-0,81	-2
34	Rạch Trà Dệt		KP93+297	21,25	-1	-2
35	Rạch Muông Lô		KP93+798	9,39	-0,44	-2
36	Kênh thủy lợi		KP94+017	16,3	-1,4	-2
37	Kênh thủy lợi (dọc tuyến)	Rạch Trà Keo	KP94+327	45,81	-1	-2
38	Kênh thủy lợi		KP95+007	3,4	0,38	-2
39	Kênh Tắc Ống Thục		KP95+223	32,32	-1,35	-2,5
40	Kênh nội đồng		KP95+657	12,86	0,3	-2
41	Rạch Đùng		KP95+853	18,05	-1,4	-2
42	Kênh nội đồng		KP96+326	8,63	-0,15	-2
43	Rạch Trà Nông	Kênh Vạn Lịch Ti	KP96+812	16,48	-0,6	-2
44	Kênh nội đồng		KP97+148	7,16	-0,07	-2
45	Kênh nội đồng		KP97+159	18,07	-1,1	-2
46	Kênh nội đồng	Rạch Mù U	KP97+348	13,58	-0,4	-2
47	Rạch Bà Sự		KP98+700	38,3	-1,9	-2,5
48	Rạch Bằng Lăng		KP98+810	33,56	-2,6	-2,5
49	Kênh nội đồng		KP99+200	15,46	0,4	-2
50	Kênh nội đồng		KP99+336	22,09	0,44	-2
51	Kênh nội đồng		KP99+780	6,72	-0,1	-2
52	Rạch Chanh		KP100+300	55,21	-4,4	-2
53	Rạch Ống Hai nhỏ		KP100+520	6,67	0,21	-2
			KP100+610	14,8		-2
Các kênh nằm trong hành lang tuyến ống						-2
1	Kênh 500		69+837	71+763	-1,7	-2
2	Kênh thủy lợi		79+690	81+290	-0,2	-2
2	Kênh thủy lợi		91+744	93+269	-0,8	-2
3	Kênh thủy lợi	Rạch Trà Keo	94+100	94+586	-1	-2
4	Kênh thủy lợi		97+486	97+862	-1,08	-2

DATE		DATE	
CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỎ		CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỎ	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ TÂY NAM BỘ		BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ TÂY NAM BỘ	
SOUTH WEST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD		SOUTH WEST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD	
CONTRACTOR		CONTRACTOR	
CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỎ		CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỎ	
LUNG LO CONSTRUCTION COMPANY		LUNG LO CONSTRUCTION COMPANY	
PROJECT		PROJECT	
ĐƯỜNG ống dẫn khí BỜ LỎ B - Ô MƠN		ĐƯỜNG ống dẫn khí BỜ LỎ B - Ô MƠN	
BLOCK B-OMON GAS PIPELINE		BLOCK B-OMON GAS PIPELINE	
TITLE		TITLE	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ (KP 0+00-KP 1+099.1)		BẢN VẼ HOÀN CÔNG RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ (KP 0+00-KP 1+099.1)	
PVSWG - LC - BVHC - 01		PVSWG - LC - BVHC - 01	

CLIENT:

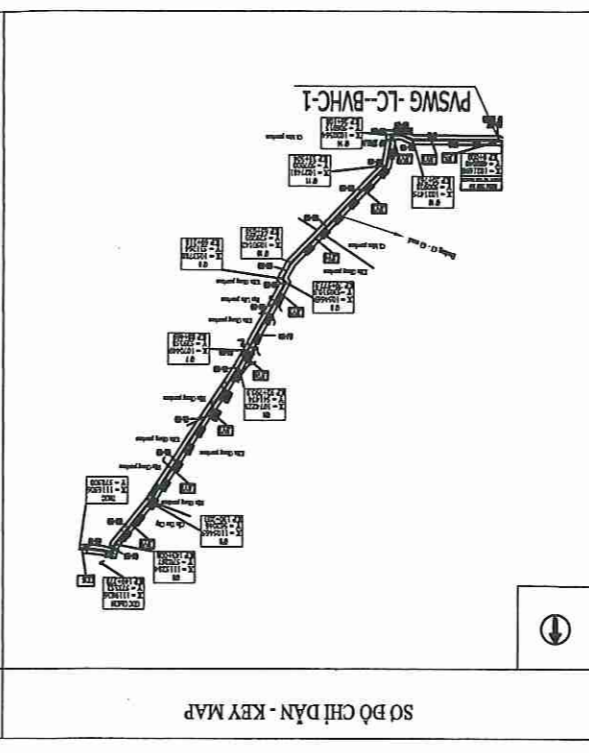
Supervisor	Nguyễn Bá Toàn
Checked by	Nguyễn Xuân Trường
Approved by	Nguyễn Xuân Trường
Supervisor	Phạm Minh Khương
Supervisor	Hồ Anh Khoa

Người lập: Lê Trung Kiên
 Kiểm tra: Phạm Hồng Linh
 Giám sát: Hồ Anh Khoa



CHỮ GIẢI - MAP LEGENDS

Symbol	Description
Circle with cross-hatch	Phạm vi đã RPBVMN
Circle with diagonal lines	Circle that has been disarmed mine and explosive
Circle with dots	Circle that has not been disarmed mine and explosive
Triangle	Bom mìn, vật nổ đã xử lý



Ghi chú (Notes)

Chiều rộng Rà phá bom mìn, vật nổ tuyến ống là 45m. Phạm vi chính là 25 m, HLAT mới bên là 10 m

The width of circle that has been disarmed mine and explosive of the pipe is 45 m, main scope is 25m, safety corridor of each side is 10m

Đoạn CLA 001-CLA 005 chiều rộng Rà phá bom mìn, vật nổ và hành lang an toàn là 45 m

The distance of CLA 001-CLA 005, the width of the circle that has been disarmed mine and explosive and safety corridor is 45m

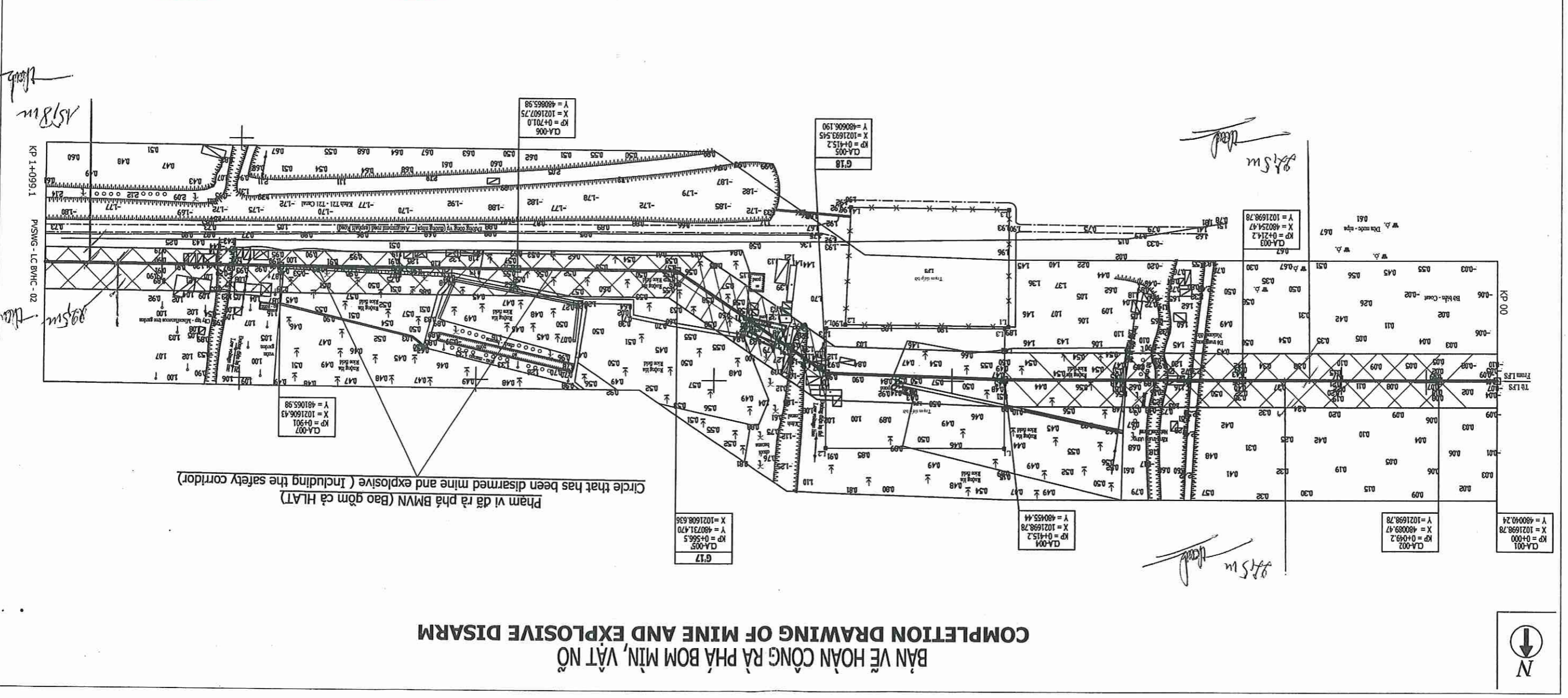
Đoạn CLA 005-CLA 008 chiều rộng Rà phá bom mìn, vật nổ và hành lang an toàn là 38,3m

The distance of CLA 005-CLA 008, the width of the circle that has been disarmed mine and explosive and safety corridor is 38,3m

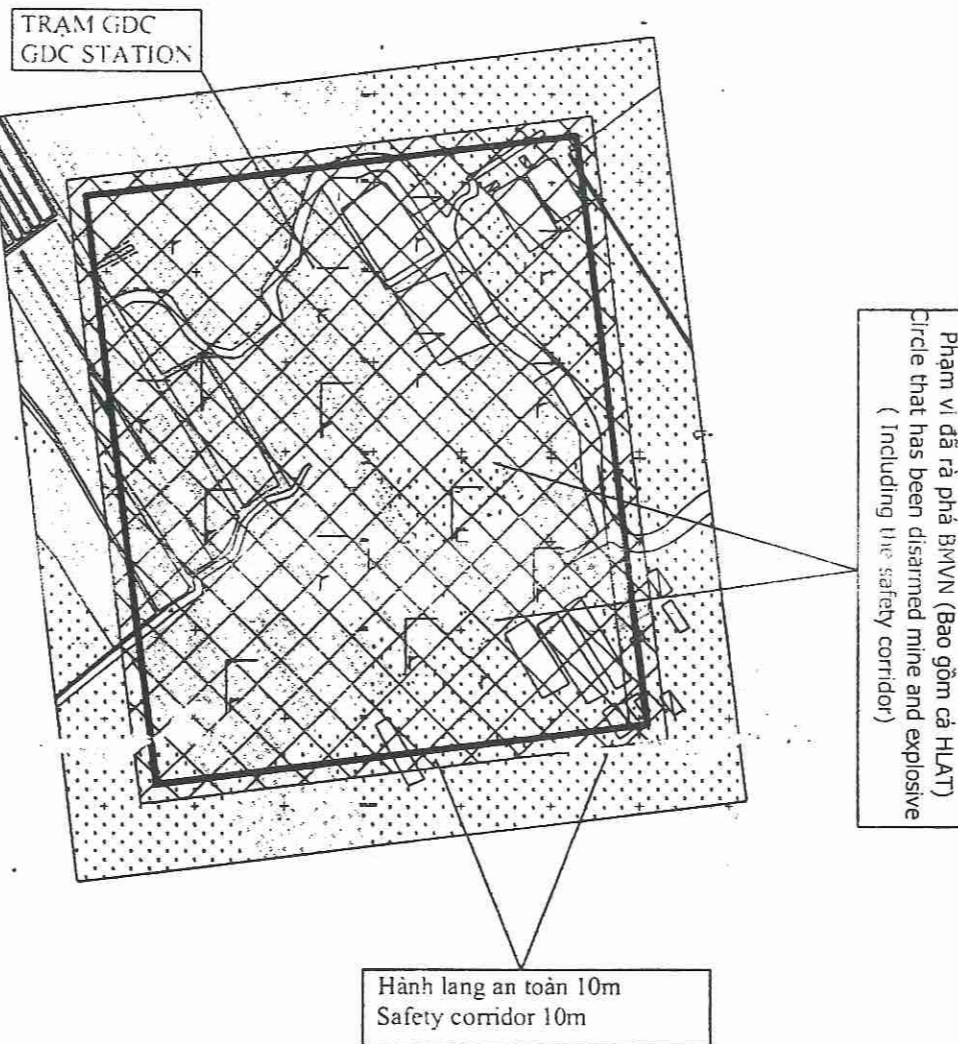
Phạm vi chưa RPBVMN

Circle that has not been disarmed mine and explosive

Bom mìn, vật nổ đã xử lý



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ
COMPLETION DRAWING OF MINE AND EXPLOSIVE DISARM**



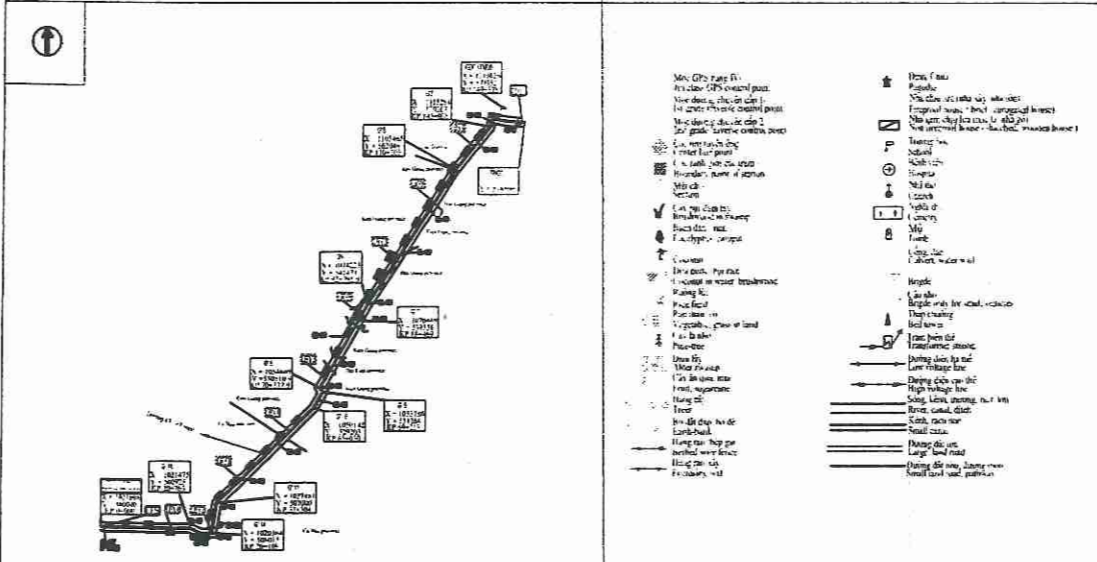
Ghi chú (Notes)

L1	1119742.431	573338.203
L2	111966.501	573614.971
L3	1119455.15	573646.458
L4	1119412.679	573378.711

Tổng diện tích RPBMVN gồm cả H.LAT là 12.56 ha
Total area detected including is 12.56 ha
Hành lang an toàn 10m
Safety corridor 10m

- Phạm vi đã RPBMVN
Circle that has been disarmed mine and explosive
- Bom mìn, vật nổ đã xử lý
Mine and explosives were treated

SƠ ĐỒ CHI DẪN - KEY MAP



DATE: LUNG LO CONSTRUCTION COMPANY	DATE: BẢN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ TÂY NAM BỘ
CHỈ NHẠM CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỒ BỘ QUỐC PHÒNG	ĐOÀN BẢN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ TÂY NAM BỘ
Người lập: Prepared by: Nguyễn Đoàn Thạch	Biên soạn/Chủ trì: Supv. / Team leader: Lê Trung Kiên
Người kiểm tra: Checked by: Nguyễn Xuân Trường	Giám sát: Supervisor: Đinh Văn Tường
Chỉ huy trưởng: Commander: PHẠM VĂN ĐỒNG	Chỉ huy trưởng: Commander: PHẠM HỒNG LINH
CLIENT: BẢN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ TÂY NAM BỘ SOUTH WEST GAS PROJECT MANAGEMENT BOARD	
CONTRACTOR: CÔNG TY XÂY DỰNG LUNG LỒ LUNG LO CONSTRUCTION COMPANY	
PROJECT: ĐƯỜNG ống dẫn khí BỜ LỒ B - Ô MÓN BLOCK B-OMON GAS PIPELINE	
TITLE: BẢN VẼ HOÀN CÔNG RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ (TRẠM GDC - OMON) COMPLETION DRAWING OF MINE AND EXPLOSIVE DISARM	
SỐ VẼ: PVSWG - LC - BVHC - 130	